

Chức trách sĩ lưu trong xã hội ta ngày nay

“Sĩ lưu là những người có học thức, có tư tưởng, được cái may mắn hơn kẻ dân thường là có được cái tư chất thông tuệ, chịu được cái trình độ giáo dục hoàn toàn hơn kẻ dân thường, trên thì vua quan cũng có ý suy trọng mình, dưới thì nhân dân đều đem lòng tôn kính mình. Người ta vẫn thường nói người học thức là tinh hoa của một nước, kẻ sĩ phu là tiêu biểu của người dân; không luận là đời nào, sĩ lưu cũng vẫn dự một phần công tội lớn ở trong đó... Nhất là ở xã hội Việt Nam ta thì cái địa vị sĩ lưu càng lớn mà cái chức trách sĩ lưu càng trọng lắm; cái tập quán tô truyền ở nước ta là cái tục quý kẻ sĩ: trong tứ dân thì sĩ đứng vào hạng nhất...”

Sĩ làm sao cho nhất? Chẳng phải là xã hội trông cậy về kẻ sĩ rất nhiều; phụ thể trường dân cũng về phần kẻ sĩ; hưng bang kiến quốc cũng về phần kẻ sĩ; di phong dịch tục cũng về phần kẻ sĩ; duy trì thể giáo, phù thực cương thường cũng về phần kẻ sĩ; tác thành nhân tài, dẫn dụ hậu tiến cũng về phần kẻ sĩ.

Kẻ sĩ là bậc tiên tri tiên giác, người hậu tri hậu giác không trông cậy về kẻ sĩ thì trông cậy ai; tiến làm quan, thoái làm thầy, phù nguy định loạn, cứu thế độ dân là cái công nghiệp của kẻ sĩ có thể gánh vác cho đời được cả. Các vị sĩ lưu ta ngày xưa như cụ Chu Văn An, cụ Lý Tử Tấn, cụ Lê Cảnh Tuân về đời Trần, cụ Đàm Thận Huy, cụ Phạm Lập Trai, cụ Lê Trác về đời Lê, gặp lúc vận nước gian nan, việc đời khốn khó, chính hình điên đảo, phong tục suy đồi, cụ thì treo mũ về làng, mở trường dạy học, sạch mình giữ tiết, nói thẳng trừ gian, lấy cao phong thanh thảo khích lệ lòng người, lấy ngôn luận văn chương phù trì danh giáo, khiến cho kẻ ngoan người liêm, kẻ nọ người lập, kẻ nghe phong mà hứng khởi, kẻ mến trí mà noi theo, cái công các cụ cứu nước giúp đời, không phải là không có bóng xa vang rộng vậy.

Sĩ lưu ở xã hội ta bây giờ là ai? Chẳng cần phải nói thì các nhà cựu học cùng các nhà tân học ta cũng tự mình hỏi mình mà không thể suy nhượng, không thể chối từ được. Nhà cựu học không thể nói rằng: ta đây là một hạng người lão hủ, đối với xã hội là người thừa rồi, ta chỉ biết xoay xỏa lẫn hời, kiếm cái bát cơm của ta vừa hồ khẩu, ngoài ra cái sự nghiệp lập đức lập ngôn, giúp dân giúp nước đâu đến phần ta. Nhà tân học cũng không thể nói rằng: ta nay gặp được thời may vận tốt, có quyền có vị, có bổng có lộc, có tiền trăm bạc chục hơn ai, ta ăn chơi phung phá cho thỏa một đời ta; dân mà chi, nước mà chi, nòi giống nữa mà chi, hơi nào mà ta nhọc trí về những chuyện đâu đâu... Không, không có lẽ nào các ngài lại suy nhượng, lại chối từ cái tên sĩ lưu ở xã hội ta được; cái địa vị rất tôn ấy, xã hội ta vốn gán hẳn cho các ngài, cái chức trách rất trọng ấy, xã hội ta tất phải giao phó ở các ngài...”

Dương Bá Trạc 1884 – 1944

(Tiếng Gọi Đàn)

- * hưng bang kiến quốc: xây dựng và giúp đất nước khá lên
- * di phong dịch tục: thay đổi phong tục thêm tốt đẹp
- * duy trì thể giáo: giữ gìn những điều hay lẽ phải

- * phù thực cương thường: vun trồng việc đạo đức
- * dẫn dụ hậu tiến: giúp đỡ thế hệ trẻ, người đi sau
- * nọa: lười biếng
- * hồ khẩu: người đi kiếm ăn
- * Chu Văn An, đời Trần, không ra thi, ở nhà đọc sách, sửa mình trong sạch, dựng nhà dạy học. Vua Trần Minh-tông nghe tiếng, vời ông ra làm tư-nghiệp Quốc-tử-giám, dạy thái-tử học. Vua Dụ-tông lên ngôi, ham chơi, bỏ bê việc triều chính, ông can gián và dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần - được gọi là *Sớ thất trảm* – nhưng vua không nghe. Ông treo mũ từ quan.
- * Lý Tử Tấn, đỗ thái-học-sinh (1400), làm quan đến học-sĩ viện Hàn-lâm, để lại *Chuyết-am văn-tập*.
- * Lê Cảnh Tuân, đỗ khoa thi hương đời Trần, gửi Bùi Bá Kỳ *Lá thư vạ ngôn* để xin nhà Minh lập con cháu nhà Trần làm vua. Ông bị người Minh bắt vì nghi ông xui Bá Kỳ làm phản. Ông bị giam ở ngục Kim-Lăng (Trung-Hoa) rồi chết ở đó.
- * Đàm Thận Huy, đỗ đồng tiến-sĩ (1490), làm quan đến Thượng-thư bộ Lại, hầu giảng ở Kinh-Diên, vâng mật chiếu khởi quân đánh Mạc Đăng Dung nhưng việc không thành, uống thuốc độc chết.
- * Phạm Quý Thích (1760 – 1825), hiệu là Lập-Trai, đỗ tiến-sĩ về đời vua Lê Hiển-tông, khước từ ra làm quan với nhà Nguyễn, mở trường dạy học, học trò theo rất đông.
- * Lê Trác hay Lê Hữu Trác (1720 – 1791), hiệu Hải-thượng Lãn-Ông, danh-y triều Lê.

Ngô Thị Quý Linh

(*Sử Xanh Lưu Truyền*, Ý Linh xuất bản, Hoa-Kỳ, 1991)